

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG



**SỔ TAY
MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
TRONG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH**

Bắc Giang, năm 2021

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 trong cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh nói riêng đang diễn biến hết sức phức tạp, nguy hiểm và rất cần sự vào cuộc trách nhiệm của tất cả các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân; đặc biệt là ý thức thực hiện, chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng, chống dịch của người dân. Một trong những biện pháp quan trọng để thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch là việc thi hành pháp luật về phòng, chống dịch bệnh phải được thực hiện nghiêm minh, đúng pháp luật, hiệu quả.

Để góp phần trang bị và nâng cao hiểu biết về các quy định của pháp luật có liên quan trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của các cơ quan, địa phương, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp thực hiện biên soạn cuốn **Sổ tay “Một số quy định pháp luật trong phòng, chống dịch bệnh”**. Hi vọng rằng, cùng với các tài liệu khác, cuốn sổ tay này sẽ là một trong những tài liệu giúp cho các chủ thể có liên quan thực hiện tốt các quy định trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Quá trình nghiên cứu, tổng hợp tài liệu có thể không tránh khỏi sơ xuất, Sở tư pháp luôn mong nhận được ý kiến trao đổi, chia sẻ!

**SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG
TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU!**

Một số quy định pháp luật trong phòng, chống dịch bệnh

MỤC LỤC

PHẦN 1 MỘT SỐ BIỆN PHÁP TRONG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19	7
I Tổ chức thực hiện cách ly y tế trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19	7
II Huy động, trưng dụng các nguồn lực cho hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19	19
III Tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền dịch bệnh Covid-19	28
IV Cấm kinh doanh, sử dụng loại thực phẩm được cơ quan y tế có thẩm quyền xác định là trung gian truyền dịch bệnh Covid-19	31
V Hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động, dịch vụ nơi công cộng tại vùng có dịch bệnh Covid-19	33
VI Cấm tập trung đông người và các hoạt động khác có nguy cơ làm lây truyền dịch bệnh Covid-19	37

PHẦN 2 MỘT SỐ HÀNH VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19 VÀ XỬ LÝ VI PHẠM. MỘT SỐ LƯU Ý KHI THỰC HIỆN XỬ PHẠT	40
I Một số hành vi vi phạm pháp luật trong phòng, chống dịch Covid-19 và xử lý vi phạm	40
II Một số lưu ý trong xử phạt vi phạm hành chính	55
PHẦN 3 DANH MỤC MỘT SỐ VĂN BẢN QPPL LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19	64

Phần 1:
**MỘT SỐ BIỆN PHÁP TRONG PHÒNG, CHỐNG
DỊCH BỆNH COVID-19**

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁCH LY Y TẾ
TRONG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19**

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;
- Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch (viết tắt là Nghị định số 101/2010/NĐ-CP);

2. Nội dung

2.1. Quy định chung:

- Cách ly y tế là việc tách riêng người mắc bệnh truyền nhiễm, người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm, người mang mầm bệnh truyền nhiễm hoặc vật có khả năng mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm nhằm hạn chế sự lây truyền bệnh (Điều 2 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm).

- Người mắc bệnh, người bị nghi ngờ mắc bệnh, người mang mầm bệnh dịch, người tiếp xúc với tác nhân gây dịch bệnh Covid-19 phải được cách ly (*sau đây gọi là đối tượng cách ly y tế*). Trường hợp đối tượng cách ly y tế không tuân

Một số quy định pháp luật trong phòng, chống dịch bệnh

thủ yêu cầu cách ly thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế. (Điều 49 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Chương I Nghị định số 101/2010/NĐ-CP).

2.2. Các biện pháp cách ly y tế:

2.2.1. Biện pháp cách ly y tế tại nhà (theo Điều 1, 2, 3 Nghị định số 101/2010/NĐ-CP)

a) Đối tượng áp dụng:

- Người bị nghi ngờ mắc bệnh, người mang mầm bệnh dịch, người tiếp xúc với tác nhân gây dịch bệnh Covid-19.

- Người xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch bệnh Covid-19.

- Người tiếp xúc với người mắc dịch bệnh Covid-19.

b) Thẩm quyền áp dụng: Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

c) Hình thức thực hiện:

- Ban hành quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế đối với từng đối tượng.

- Ban hành quyết định phê duyệt danh sách các trường hợp bị áp dụng biện pháp cách ly y tế.

- Phê duyệt trực tiếp trên bản danh sách các trường hợp bị áp dụng biện pháp cách ly y tế.

d) Thời gian áp dụng:

- Thời gian áp dụng biện pháp cách ly y tế do Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã quyết định nhưng không

quá 21 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế có hiệu lực.

- Trường hợp hết thời hạn áp dụng biện pháp cách ly y tế mà đối tượng bị áp dụng biện pháp cách ly y tế chưa khỏi bệnh hoặc chưa được xử lý theo quy định thì phải gia hạn thời gian cách ly. Quyết định gia hạn thời gian cách ly y tế là 10 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

d) Trình tự thủ tục:

- Trong thời gian 03 giờ, kể từ khi phát hiện người thuộc trường hợp cách ly y tế tại nhà, Trạm trưởng Trạm Y tế cấp xã lập danh sách các trường hợp và báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã để xem xét, phê duyệt.

- Trong thời gian 01 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của Trạm trưởng Trạm y tế, Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã phải quyết định việc phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt danh sách, trường hợp từ chối phê duyệt phải nêu rõ lý do.

- Trong thời gian 03 giờ, kể từ khi danh sách được phê duyệt, Trạm trưởng Trạm Y tế có trách nhiệm:

+ Thông báo việc áp dụng biện pháp cách ly y tế tại nhà cho người bị áp dụng và thân nhân của họ; đồng thời, thông báo cho Công an xã và tổ trưởng tổ dân phố, trưởng cụm dân cư, trưởng thôn để phối hợp giám sát việc thực hiện;

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp giám sát, theo dõi sức khỏe của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế;

+ Báo cáo và đề xuất với Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã về các biện pháp nhằm hạn chế đến mức tối đa nguy cơ lây nhiễm từ người bị cách ly y tế ra cộng đồng.

- Trường hợp người đang bị áp dụng biện pháp cách ly y tế tại nhà có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm, Trạm trưởng Trạm Y tế xã có trách nhiệm báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo chống dịch cấp xã để xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp cách ly y tế tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Sau khi tiếp nhận đối tượng, người đứng đầu khoa, phòng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm thông báo với Trạm trưởng Trạm Y tế xã về tình trạng bệnh của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế.

- Sau khi nhận được thông báo của người đứng đầu khoa, phòng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi tiếp nhận đối tượng, Trạm trưởng Trạm Y tế xã có trách nhiệm:

+ Thông báo hủy bỏ việc áp dụng biện pháp cách ly y tế trong trường hợp xác định người đó không mắc dịch bệnh Covid-19;

+ Lập danh sách những người tiếp xúc và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch trong trường hợp xác định người đó mắc dịch bệnh Covid-19.

2.2.2. *Biện pháp cách ly tại cơ sở y tế: (theo Điều 1, 4, 5, 6 Nghị định số 101/2010/NĐ-CP)*

a) Đối tượng áp dụng:

- Đối tượng cách ly y tế đang khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế và người mắc dịch bệnh Covid-19.

- Người đang bị áp dụng biện pháp cách ly y tế khác nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc dịch bệnh Covid-19.

b) Thẩm quyền áp dụng:

- Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã (đối với đối tượng cách ly tại nhà, tại các cơ sở, địa điểm khác không phải cơ sở y tế);

- Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (đối với người đang khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế và người mắc dịch bệnh Covid-19 đang lưu trú tại vùng có dịch);

c) Hình thức thực hiện:

- Ban hành quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế đối với từng đối tượng.

- Ban hành quyết định phê duyệt danh sách các trường hợp bị áp dụng biện pháp cách ly y tế.

- Phê duyệt trực tiếp trên bản danh sách các trường hợp bị áp dụng biện pháp cách ly y tế.

d) Thời gian áp dụng:

- Thời gian cách ly y tế do người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cách ly quyết định nhưng không quá 21 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế có hiệu lực.

- Trường hợp hết thời hạn áp dụng biện pháp cách ly y tế mà đối tượng bị áp dụng biện pháp cách ly y tế chưa khỏi bệnh hoặc chưa được xử lý theo quy định thì phải gia hạn thời gian cách ly. Quyết định gia hạn thời gian cách ly y tế là 10 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

đ) Trình tự thủ tục:

- Trong thời gian 01 giờ, kể từ khi phát hiện đối tượng, trưởng khoa, phòng có trách nhiệm lập danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế và báo cáo người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để xem xét, phê duyệt.

- Trong thời gian 01 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của trưởng khoa, phòng, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế.

Trường hợp đối tượng do Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế thì người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải phê duyệt lại danh sách mà chỉ thực hiện thủ tục tiếp nhận người bệnh và chỉ đạo việc thực hiện cách ly y tế đối với đối tượng tại cơ sở của mình.

- Trong thời gian 01 giờ, kể từ khi danh sách được phê duyệt, trưởng khoa, phòng có trách nhiệm:

+ Thông báo việc áp dụng biện pháp cách ly y tế cho đối tượng bị áp dụng biện pháp cách ly y tế và thân nhân của họ;

+ Chuyển đối tượng đến địa điểm thực hiện cách ly y tế và phân công nhân viên trực tiếp chăm sóc, điều trị cho đối tượng.

- Trường hợp sau khi áp dụng biện pháp cách ly y tế mà xác định người bị áp dụng biện pháp cách ly không mắc dịch bệnh Covid-19, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải thông báo hủy bỏ việc áp dụng biện pháp cách ly y tế đối với người đó.

- Sau khi hết thời gian cách ly, nếu người bệnh chưa khỏi dịch bệnh Covid-19 thì người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người bệnh đang điều trị quyết định việc gia hạn thời gian cách ly.

2.2.3. *Biện pháp cách ly y tế tại các cơ sở, địa điểm khác:*

a) Đối tượng áp dụng:

Số lượng người mắc dịch bệnh Covid-19 vượt quá khả năng tiếp nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại vùng có dịch.

b) Thẩm quyền áp dụng:

- Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã (đối với đối tượng cách ly tại nhà, tại các cơ sở, địa điểm khác không phải cơ sở y tế);

- Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (đối với người đang khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế và người mắc dịch bệnh Covid-19 đang lưu trú tại vùng có dịch);

c) Hình thức thực hiện:

- Ban hành quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế đối với từng đối tượng.

- Ban hành quyết định phê duyệt danh sách các trường hợp bị áp dụng biện pháp cách ly y tế.

- Phê duyệt trực tiếp trên bản danh sách các trường hợp bị áp dụng biện pháp cách ly y tế.

d) Thời gian áp dụng:

- Thời gian áp dụng biện pháp cách ly y tế do người có thẩm quyền quyết định nhưng không quá 21 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế có hiệu lực.

- Trường hợp hết thời hạn áp dụng biện pháp cách ly y tế mà đối tượng bị áp dụng biện pháp cách ly y tế chưa khỏi bệnh hoặc chưa được xử lý theo quy định thì phải gia hạn thời gian cách ly. Quyết định gia hạn thời gian cách ly y tế là 10 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

đ) Trình tự, thủ tục:

Trường hợp số lượng người mắc dịch bệnh Covid-19 vượt quá khả năng tiếp nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại vùng có dịch, trong thời gian 06 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch tỉnh quyết định việc áp dụng các biện pháp chống dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều 48 Luật phòng, chống dịch bệnh năm 2007 và việc huy động, trưng dụng các nguồn lực cho hoạt động chống

dịch theo quy định tại Điều 55 Luật phòng, chống dịch bệnh năm 2007 được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 41 Luật Trung mua, trung dụng tài sản năm 2008.

3. Một số biện pháp phụ trợ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19

3.1. Biện pháp ngăn chặn tạm thời (theo Điều 7 Nghị định số 101/2010/NĐ-CP):

Biện pháp ngăn chặn tạm thời được áp dụng trong thời gian chờ quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế của người có thẩm quyền.

a) Các biện pháp ngăn chặn tạm thời:

- Bắt buộc áp dụng các biện pháp phòng lây nhiễm dịch bệnh Covid-19.

- Hạn chế giao tiếp của đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp cách ly y tế với môi trường và cộng đồng xung quanh.

b) Thẩm quyền áp dụng:

- Trạm trưởng Trạm Y tế cấp xã (đối với đối tượng cách ly y tế tại nhà).

- Trưởng khoa, phòng nơi đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp cách ly y tế đang khám bệnh, chữa bệnh.

- Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tham gia cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh phục vụ chống dịch bệnh Covid-19.

c) Thời gian áp dụng:

- Không quá 03 giờ đối với đối tượng thực hiện cách ly y tế tại nhà.

- Không quá 06 giờ đối với đối tượng thực hiện cách ly y tế tại cơ sở, địa điểm khác.

3.2. Biện pháp cưỡng chế cách ly y tế (theo Điều 8, 9, 10, 11, 12 Nghị định số 101/2010/NĐ-CP)

Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế được thực hiện trong trường hợp đối tượng cách ly y tế không tuân thủ yêu cầu cách ly y tế của người có thẩm quyền.

a) Thẩm quyền áp dụng: Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cách ly y tế.

b) Nội dung và thời gian áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế:

- Thời điểm ban hành quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế: Trong vòng 24 giờ, kể từ khi phát hiện đối tượng thuộc diện phải áp dụng biện pháp cách ly y tế nhưng không tuân thủ.

- Nội dung của quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế:

+ Đối tượng bị bắt buộc áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế;

+ Địa điểm thực hiện việc cưỡng chế cách ly y tế;

+ Thời hạn cách ly y tế;

+ Trách nhiệm của đối tượng bị bắt buộc áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế và cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế.

- Thời gian áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế: Thời gian áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế do người có thẩm quyền quyết định nhưng không quá 21 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế có hiệu lực.

Trường hợp hết thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế mà đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế chưa khỏi bệnh hoặc chưa được xử lý theo quy định thì phải gia hạn thời gian cưỡng chế cách ly. Quyết định gia hạn thời gian cưỡng chế cách ly y tế là 10 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

b) Thủ tục tiến hành cưỡng chế cách ly y tế:

- Trường hợp đối tượng thuộc diện phải áp dụng biện pháp cách ly y tế đang ở trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

+ Trưởng khoa, phòng nơi quản lý người bệnh thực hiện việc thông báo nội dung của quyết định cho đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly, thân nhân của họ và người trực tiếp chăm sóc cho người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế;

+ Thủ trưởng cơ quan công an nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở có trách nhiệm phân công cán bộ phối

hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong việc thực hiện cưỡng chế cách ly y tế và giám sát việc thực hiện cưỡng chế cách ly y tế trên cơ sở đề nghị của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Trường hợp đối tượng thuộc diện phải áp dụng biện pháp cách ly y tế đang lưu trú ở vùng có dịch, cơ quan công an cấp xã nơi đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly đang cư trú có trách nhiệm:

+ Thông báo nội dung của quyết định cho đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly, thân nhân của họ và người được giao nhiệm vụ chăm sóc cho người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế;

+ Thực hiện việc đưa người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế từ nơi lưu trú đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để thực hiện việc cách ly y tế;

+ Phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện việc giám sát đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế.

- Việc quản lý người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly y tế thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 101/2010/NĐ-CP.

** Cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đối với người nước ngoài:*

Thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đối với người nước ngoài thực hiện

nhu quy định chung, riêng việc thông báo quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế thực hiện theo quy định tại dưới đây:

- Đối với trường hợp người nước ngoài có thân nhân đi cùng: người đứng đầu cơ sở trực tiếp thực hiện biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế thông báo quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế cho người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và thân nhân của họ. Đồng thời gửi văn bản thông báo về việc áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đến Cục Lãnh sự của Bộ Ngoại giao để tiến hành thủ tục thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước có người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế.

- Đối với trường hợp người nước ngoài không có thân nhân đi cùng: Người đứng đầu cơ sở trực tiếp thực hiện biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế gửi thông báo về việc áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đến Cục Lãnh sự của Bộ Ngoại giao để tiến hành thủ tục thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước có người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế.

II. HUY ĐỘNG, TRUNG DỤNG CÁC NGUỒN LỰC CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

1. Cơ sở pháp lý

- Hiến pháp năm 2013 (*Khoản 3 Điều 32*);

- Bộ luật Dân sự năm 2015 (*Khoản 2 Điều 163*);
- Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp năm 2000;
- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 (*Điểm a Khoản 2 Điều 54, Điều 55*);
- Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008;
- Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm;
- Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch (*Khoản 2 Điều 6*);

2. Nội dung

2.1. Điều kiện để trưng dụng các nguồn lực cho hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19:

a) Khi Nhà nước có nhu cầu trưng dụng các nguồn lực cho hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19 mà các biện pháp huy động khác không thực hiện được, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp số lượng người mắc dịch bệnh Covid-19 vượt quá khả năng tiếp nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại vùng có dịch, trong thời gian 06 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa

bệnh, Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch tỉnh quyết định việc huy động, trưng dụng các nguồn lực cho hoạt động chống dịch theo quy định.

- Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm và quy mô của dịch bệnh Covid-19 gây ra trên diện rộng hoặc nếu không ngăn chặn kịp thời sẽ gây hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng, sức khoẻ nhân dân.

b) Các nguồn lực trưng dụng:

- Huy động người: lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ; cán bộ, công chức và nhân dân.

- Huy động, trưng dụng tài sản:

+ Tài sản thuộc đối tượng trưng dụng: cơ sở vật chất (gồm: nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất); thiết bị y tế, thuốc, hoá chất, vật tư y tế, cơ sở dịch vụ công cộng, phương tiện giao thông và các nguồn lực khác để chống dịch.

+ Người có tài sản trưng dụng: là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền sở hữu tài sản hoặc quyền sử dụng tài sản thuộc đối tượng trưng dụng.

2.2. Huy động người (áp dụng cho cả đối với những người tình nguyện) tham gia hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19:

a) Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm và quy mô của dịch bệnh Covid-19 và chức năng, nhiệm vụ của từng ngành/ lĩnh vực và khả năng của mỗi cá nhân, người có thẩm quyền:

- Huy động người trong tỉnh: lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ; cán bộ, công chức và nhân dân để cứu người, sơ tán nhân dân, ngăn chặn, tham gia tuần tra, canh gác, bảo vệ an ninh, trật tự, khắc phục hậu quả dịch bệnh.

- Trường hợp nếu vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, thì có thể huy động thêm từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài địa bàn có tình trạng khẩn cấp (ngoài địa bàn tỉnh).

b) Trách nhiệm và chế độ của người được huy động tham gia hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19:

- Người tham gia chống dịch được hưởng chế độ phụ cấp chống dịch và được hưởng chế độ rủi ro nghề nghiệp khi bị lây nhiễm bệnh.

- Nếu bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe trong khi thi hành nhiệm vụ được hưởng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Được tổ chức thành các đơn vị và đặt dưới sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Ban chỉ đạo.

- Người được huy động tham gia hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhưng thực hiện không đúng chức trách nhiệm vụ được phân công hoặc vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

c) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm các điều kiện để thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định.

d) Hình thức quyết định huy động người:

Quyết định huy động người tham gia hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19 phải được thể hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ địa điểm, thời gian và nội dung công việc.

đ) Thẩm quyền quyết định huy động người:

- Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch của tỉnh quyết định việc áp dụng huy động người tham gia hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- Huy động, điều động lực lượng vũ trang ngoài địa bàn có tình trạng khẩn cấp (ngoài địa bàn tỉnh) trong trường hợp cần thiết được thực hiện theo quyết định của Chủ tịch nước.

2.3. Huy động, trưng dụng tài sản cho hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19:

Việc huy động, trưng dụng tài sản được thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền và phải tuân theo điều kiện, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008. Cụ thể:

a) Việc huy động hoặc trưng dụng tài sản cho hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19 được thực hiện tại địa bàn có tình trạng khẩn cấp; nếu vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, thì có thể huy động hoặc trưng dụng thêm từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài địa bàn có tình trạng khẩn cấp.

Việc trưng dụng phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải được cơ quan trưng dụng xác nhận theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Thời hạn trưng dụng tài sản:

- Bắt đầu từ khi quyết định trưng dụng có hiệu lực thì hành đến không quá 30 ngày.

- Trường hợp hết thời hạn trưng dụng tài sản quy định nhưng mục đích của việc trưng dụng tài sản chưa hoàn thành thì được gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá 15 ngày (quyết định gia hạn trưng dụng tài sản phải được thể hiện bằng văn bản và gửi cho người có tài sản trưng dụng trước khi kết thúc thời hạn trưng dụng).

c) Quyền và nghĩa vụ của người có tài sản trưng dụng:

- Quyền sở hữu tài sản trưng dụng vẫn thuộc về người có tài sản trưng dụng.

- Được hoàn trả tài sản trưng dụng khi hết thời hạn trưng dụng theo quyết định trưng dụng tài sản.

- Được bồi thường thiệt hại do việc trưng dụng tài sản gây ra (theo quy định tại các Điều 34, 35, 36, 37 Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008).

- Được khen thưởng về thành tích và đóng góp trong hoạt động trưng dụng tài sản theo quy định của pháp luật; khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về trưng dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

- Người có tài sản trưng dụng có nghĩa vụ chấp hành quyết định trưng dụng tài sản. Trường hợp quyết định trưng dụng tài sản đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật mà người có tài sản trưng dụng không chấp hành thì người quyết định trưng dụng tài sản ra quyết định cưỡng

ché thi hành và tổ chức cưỡng chế thi hành hoặc giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có tài sản trưng dụng tổ chức cưỡng chế thi hành.

d) Quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng:

- Quyền quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng trong thời gian trưng dụng thuộc về Nhà nước.

- Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng có trách nhiệm sử dụng tài sản đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả; bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong thời gian trưng dụng.

- Trường hợp tài sản trưng dụng phải có người vận hành, điều khiển nhưng tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng không có người vận hành, điều khiển thì người quyết định trưng dụng tài sản được huy động người đang vận hành, điều khiển tài sản trưng dụng đó để vận hành, điều khiển theo Điều 27 Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008.

- Cơ quan đã trưng dụng, có trách nhiệm hoàn trả ngay tài sản trưng dụng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng hợp pháp (quyết định hoàn trả theo Điều 33 Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008). Trong trường hợp cơ quan trưng dụng bị giải thể, thì trước khi giải thể, cơ quan đó có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ về trưng dụng và các phương tiện, tài sản bị trưng dụng chưa kịp hoàn trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, nơi lưu giữ phương

tiện, tài sản đó để tiếp tục giải quyết việc hoàn trả.

d) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp:

- Bảo đảm các điều kiện để thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định.

- Huy động vật tư, phương tiện hiện có của địa phương và động viên nhân dân đóng góp tham gia khắc phục hậu quả dịch bệnh.

- Ủy ban nhân dân các cấp ngoài địa bàn có tình trạng khẩn cấp có trách nhiệm hướng dẫn nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, các quyết định, mệnh lệnh, chỉ thị của Ban chỉ đạo và của Trưởng Ban chỉ đạo; động viên nhân dân đóng góp vật tư, phương tiện, trang thiết bị khắc phục hậu quả dịch bệnh và các yêu cầu khác của Ban chỉ đạo.

e) Hình thức quyết định trưng dụng tài sản:

- Quyết định trưng dụng tài sản phải được thể hiện bằng văn bản; trường hợp đặc biệt không thể ra quyết định bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản được quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói để thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng phải có giấy xác nhận.

- Khi quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói, người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản phải viết giấy xác nhận việc trưng dụng tài sản ngay tại thời điểm trưng dụng (nội dung giấy xác nhận theo Khoản 1 Điều 26 Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008)

Chậm nhất là 48 giờ, kể từ thời điểm quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói, cơ quan của người đã quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản việc trưng dụng tài sản.

- Nội dung của quyết định trưng dụng tài sản, văn bản xác nhận phải theo Điều 25 Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008. Quyết định trưng dụng tài sản có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký ban hành.

- Quyết định trưng dụng tài sản, văn bản xác nhận phải được giao cho người có tài sản trưng dụng hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản; trường hợp người có tài sản trưng dụng hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản trưng dụng vắng mặt thì quyết định trưng dụng tài sản phải được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản trưng dụng.

- Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản trưng dụng được thực hiện theo Điều 29, 30 Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008.

- Việc hủy bỏ quyết định trưng dụng tài sản được thực hiện theo Điều 7 Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008.

- Các tài liệu liên quan đến việc trưng dụng tài sản phải được lập thành hồ sơ và được quản lý, lưu trữ theo quy định của pháp luật.

g) Thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trưng dụng

tài sản quy định (không được phân cấp thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản).

III. TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ DỊCH VỤ ĂN UỐNG CỘNG ĐỒNG CÓ NGUY CƠ LÀM LÂY TRUYỀN DỊCH BỆNH COVID-19

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 (*Điểm a Khoản 1 Điều 52*);

- Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp năm 2000;

- Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm;

- Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch (*Điều 15, 18*);

2. Nội dung

2.1. Điều kiện áp dụng/hủy bỏ:

- Dịch đang lưu hành là dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc thuộc nhóm B nhưng có khả năng lây truyền ở mức độ cao theo quy mô và tính chất của từng loại bệnh truyền nhiễm.

- Được cơ quan y tế có thẩm quyền xác định đường lây truyền của dịch là qua ăn, uống hoặc có nguy cơ trở

thành trung gian truyền bệnh ở mức độ cao theo quy mô và tính chất của từng loại bệnh truyền nhiễm.

- Việc hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng trong vùng đang có dịch được thực hiện khi cơ quan y tế có thẩm quyền xác định đã khống chế được dịch bệnh Covid-19.

2.2. Quyết định áp dụng/hủy bỏ:

a) Quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ, quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng phải được thể hiện bằng văn bản. Trong đó:

- Quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng phải quy định rõ loại hình dịch vụ ăn uống bị tạm đình chỉ, phạm vi và thời gian áp dụng quyết định.

Trường hợp hết thời gian trong quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng nhưng dịch vẫn chưa được khống chế, Thường trực Ban Chỉ đạo chống dịch có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tương ứng để xem xét, quyết định việc ban hành quyết định điều chỉnh thời gian áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng.

- Quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng phải

quy định rõ loại hình dịch vụ ăn uống được hủy bỏ áp dụng theo quyết định tạm đình chỉ, phạm vi và thời gian áp dụng.

b) Quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng trong thời gian có dịch bệnh Covid-19 phải được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất là 06 giờ, kể từ thời điểm ban hành.

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải được đăng tải trên hệ thống truyền thanh của huyện và các xã thuộc huyện với tần suất 03 lần/ngày trong thời gian 07 ngày liên tục.

c) Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm đưa tin chính xác, kịp thời và trung thực về việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp chống dịch trong thời gian có dịch bệnh Covid-19 theo đúng nội dung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế cung cấp.

2.3. Thẩm quyền quyết định:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng trong trường hợp dịch bệnh Covid-19 xảy ra trên địa bàn theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo chống dịch cấp huyện.

IV. CẤM KINH DOANH, SỬ DỤNG LOẠI THỰC PHẨM ĐƯỢC CƠ QUAN Y TẾ CÓ THẨM QUYỀN

XÁC ĐỊNH LÀ TRUNG GIAN TRUYỀN DỊCH BỆNH COVID-19

1. Cơ sở pháp lý

- Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp năm 2000;
- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 (*Điểm b Khoản 1 Điều 52*);
- Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm;
- Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch (*Điều 16, 18*);

2. Nội dung

2.1. Điều kiện áp dụng/hủy bỏ:

- Dịch đang lưu hành là dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.
- Được cơ quan y tế có thẩm quyền xác định là trung gian truyền bệnh và nguy cơ lây truyền qua ăn, uống ở mức độ cao.
- Việc hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng thực phẩm được thực hiện khi cơ quan y tế

có thẩm quyền xác định đã không chế được dịch bệnh Covid-19.

2.2. Quyết định áp dụng/hủy bỏ:

a) Quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng thực phẩm và quyết định hủy bỏ việc áp dụng phải được thể hiện bằng văn bản. Trong đó:

- Quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng thực phẩm phải quy định rõ loại thực phẩm bị cấm kinh doanh, sử dụng, phạm vi và thời gian áp dụng quyết định.

Trường hợp hết thời gian trong quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng đối với từng loại thực phẩm nhưng vẫn chưa không chế được dịch, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc ban hành quyết định điều chỉnh thời gian áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng thực phẩm.

- Quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng thực phẩm phải quy định rõ loại thực phẩm được hủy bỏ theo quyết định cấm kinh doanh, sử dụng, phạm vi và thời gian áp dụng quyết định.

b) Quyết định về việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp chống dịch trong thời gian có dịch bệnh Covid-19 phải được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất là 06 giờ, kể từ thời điểm ban hành:

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải được đăng tải trên đài phát thanh, đài truyền hình, báo của

tỉnh và các huyện trong thời gian 07 ngày liên tục.

- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế phải được đăng tải trên Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC, các báo có phạm vi phát hành toàn quốc trong thời gian 07 ngày liên tục.

c) Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm đưa tin chính xác, kịp thời và trung thực về việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp chống dịch trong thời gian có dịch bệnh Covid-19 theo đúng nội dung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế cung cấp.

2.3. Thẩm quyền quyết định:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng đối với loại thực phẩm là trung gian truyền dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

b) Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét, quyết định việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng trong phạm vi toàn quốc đối với loại thực phẩm là trung gian truyền dịch bệnh Covid-19 đã có từ hai tỉnh trở lên quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng.

V. HẠN CHẾ TẬP TRUNG ĐÔNG NGƯỜI HOẶC TẠM ĐÌNH CHỈ CÁC HOẠT ĐỘNG, DỊCH VỤ NƠI CÔNG CỘNG TẠI VÙNG CÓ DỊCH BỆNH COVIS-19

1. Cơ sở pháp lý

- Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp năm 2000;
- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 (*Điểm c Khoản 1 Điều 52*);
- Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm;
- Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch (*Điều 17, 18*);

2. Nội dung

2.1. Điều kiện áp dụng/hủy bỏ:

- Dịch đang lưu hành là dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.
- Được cơ quan y tế có thẩm quyền xác định đường lây truyền của dịch bệnh là đường hô hấp và nguy cơ lây truyền ở mức độ cao.
- Việc hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng được thực hiện khi cơ quan y tế có thẩm quyền xác định đã khống chế được dịch bệnh Covid-19.

2.2. Quyết định áp dụng/hủy bỏ:

a) Quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng và quyết định hủy bỏ việc áp dụng phải được thể hiện bằng văn bản. Trong đó:

- Quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng phải quy định rõ các hình thức tập trung đông người, hoạt động, dịch vụ tại nơi công cộng bị cấm, phạm vi và thời gian áp dụng quyết định.

- Quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng phải quy định rõ các hình thức tập trung đông người, hoạt động, dịch vụ tại nơi công cộng được hủy bỏ quyết định cấm, phạm vi và thời gian áp dụng quyết định.

Trường hợp hết thời gian trong quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng nhưng vẫn chưa không chế được dịch, Thường trực Ban Chỉ đạo chống dịch có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tương ứng hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế để xem xét, quyết định việc ban hành quyết định điều chỉnh thời gian áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng.

b) Quyết định về việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch bệnh Covid-19 phải được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất là 06 giờ, kể từ thời điểm ban hành:

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải được đăng tải trên hệ thống truyền thanh của huyện và các xã thuộc huyện với tần suất 03 lần/ngày trong thời gian 07 ngày liên tục.

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được đăng tải trên đài phát thanh, đài truyền hình, báo của tỉnh và các huyện trong thời gian 07 ngày liên tục.

- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế phải được đăng tải trên Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC, các báo có phạm vi phát hành toàn quốc trong thời gian 07 ngày liên tục.

c) Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm đưa tin chính xác, kịp thời và trung thực về việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch bệnh Covid-19 theo đúng nội dung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế cung cấp.

2.3. Thẩm quyền quyết định:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp hạn

chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng trong trường hợp dịch xảy ra theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo chống dịch cấp huyện.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng trong trường hợp dịch xảy ra trên địa bàn từ hai huyện trở lên theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh.

c) Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng các Bộ hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ xem xét, quyết định việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng đối với các hoạt động, dịch vụ có quy mô lớn ở trong nước.

VI. CẤM TẬP TRUNG ĐÔNG NGƯỜI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CÓ NGUY CƠ LÀM LÂY TRUYỀN DỊCH BỆNH COVID-19; TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH, DỊCH VỤ

Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể các biện pháp áp dụng trong phòng chống dịch bệnh Covid-19 nói trên đối với các cơ sở kinh doanh, dịch

vụ (trừ các cơ sở kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu). Tuy nhiên, có thể tham khảo áp dụng trên cơ sở các văn bản sau:

1. Cơ sở pháp lý

- Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp năm 2000;
- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 (*Điều 52, 54*);
- Luật Doanh nghiệp năm 2020 (*Điều 206*);
- Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015 (*Khoản 1 Điều 3*);
- Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm;
- Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch (*Điều 15, 16, 17, 18*);
- Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng chính phủ về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng chống dịch Covid-19 (Mục 2).

2. Nội dung

2.1. Điều kiện áp dụng:

Căn cứ vào quy mô, loại hình kinh doanh dịch vụ trên địa bàn, người có thẩm quyền (Trường Ban chỉ đạo các cấp) có thể quyết định áp dụng biện pháp cấm tập trung đông người và các hoạt động khác có nguy cơ làm lây truyền dịch bệnh Covid-19 (Biện pháp này được áp dụng khi đã ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch bệnh Covid-19); Biện pháp tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ một phần hoặc toàn bộ đối với cơ sở kinh doanh, dịch vụ để phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

2.3. Thẩm quyền quyết định:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh một phần hoặc toàn bộ đối với cơ sở kinh doanh, dịch vụ (trừ các cơ sở kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu) trên địa bàn tỉnh để phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cơ sở kinh doanh, dịch vụ cần đóng cửa.

c) Chủ tịch UBND các cấp quyết định áp dụng biện pháp cấm tập trung đông người và các hoạt động khác có nguy cơ làm lây truyền dịch bệnh Covid-19 sau khi đã ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch bệnh Covid-19.

Phần 2:**MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19 VÀ XỬ LÝ VI PHẠM; MỘT SỐ LƯU Ý TRONG XỬ PHẠT****I. MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19 VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.**

1. Hành vi không tổ chức việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống bệnh truyền nhiễm cho người lao động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Căn cứ pháp lý: tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra các Sở: Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường.

2. Hành vi đưa tin sai sự thật về tình hình dịch bệnh Covid-19:

a) Hành vi đưa tin không chính xác hoặc không kịp thời về tình hình dịch bệnh truyền nhiễm sau khi công bố dịch hoặc công bố hết dịch theo nội dung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế cung cấp

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức). Ngoài ra, còn phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc cải chính thông tin sai sự thật trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn đã đưa tin trước đó liên tục trong 03 ngày theo quy định của pháp luật”.

- Căn cứ pháp lý: tại Điểm a Khoản 3 và Điểm a Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra các Sở: Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường.

b) Hành vi lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu

không, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức) và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật”.

- Căn cứ pháp lý: tại Điểm a Khoản 1 và Khoản 3 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

- Thẩm quyền xử phạt: Giám đốc Công an tỉnh; Chánh thanh tra/Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Thông tin và Truyền thông.

* Xử lý hình sự: Người có hành vi đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, thông tin xuyên tạc về tình hình dịch bệnh Covid-19, gây dư luận xấu thì bị xử lý về tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông có thể bị xử lý hình sự theo Điều 288 Bộ luật Hình sự (điểm 1.4 mục 1 mục Công văn 45/TANDTC-PC ngày 30-3-2020 của Hội đồng thẩm phán TAND TC) khi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm trong phòng, chống dịch bệnh.

3. Hành vi không thực hiện biện pháp bảo đảm vệ sinh nơi ở, nơi công cộng, phương tiện giao thông, nơi chứa chất thải sinh hoạt để phòng ngừa bệnh truyền nhiễm

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.

- Căn cứ pháp lý: tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Công an nhân dân (trừ Chiến sỹ Công an nhân dân); Chánh Thanh tra ngành: Y tế, Giáo dục, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Khoa học và công nghệ, Tài nguyên và môi trường.

4. Hành vi không thực hiện xét nghiệm theo yêu cầu của cơ quan y tế có thẩm quyền trong quá trình thực hiện giám sát bệnh truyền nhiễm

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Căn cứ pháp lý: tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra Y tế; Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Công an cấp tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh.

5. Hành vi che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời hiện trạng bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A của bản thân hoặc của người khác mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Căn cứ pháp lý: tại Điểm a Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Giám đốc Công an tỉnh.

* Xử lý hình sự: Người đã được thông báo mắc bệnh; người nghi ngờ mắc bệnh hoặc trở về từ vùng có dịch bệnh Covid-19 đã được thông báo cách ly nhưng trốn khỏi nơi cách ly; không tuân thủ quy định về cách ly; từ chối, trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly, cưỡng chế cách ly; không khai báo y tế, khai báo không đầy đủ hoặc khai báo gian dối gây lây truyền dịch bệnh Covid-19 cho người khác thì bị coi là trường hợp thực hiện “hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người” và bị xử lý về tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho người có thể bị xử lý hình sự theo Điều 240 Bộ luật Hình sự (điểm 1.1 mục 1 Công văn 45/TANDTC-PC ngày 30/3/2020 của Hội đồng thẩm phán TAND TC) khi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm trong phòng, chống dịch bệnh.

6. Hành vi từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng quyết định cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A đối tượng kiểm dịch y tế biên giới mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Ngoài ra, còn phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế”.

- Căn cứ pháp lý: tại Điểm b Khoản 2 và Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Giám đốc Công an tỉnh.

* Xử lý hình sự: Người đã được thông báo mắc bệnh; người nghi ngờ mắc bệnh hoặc trở về từ vùng có dịch bệnh Covid-19 đã được thông báo cách ly nhưng trốn khỏi nơi cách ly; không tuân thủ quy định về cách ly; từ chối, trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly, cưỡng chế cách ly; không khai báo y tế, khai báo không đầy đủ hoặc khai báo gian dối gây lây truyền dịch bệnh Covid-19 cho người khác thì bị coi là trường hợp thực hiện “hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người” và bị xử lý về tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho người có thể bị xử lý hình

sự theo Điều 240 Bộ luật Hình sự (điểm 1.1 mục 1 Công văn 45/TANDTC-PC ngày 30/3/2020 của Hội đồng thẩm phán TAND TC) khi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm trong phòng, chống dịch bệnh.

7. Hành vi không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người tham gia chống dịch và người có nguy cơ mắc bệnh dịch theo hướng dẫn của cơ quan y tế

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Căn cứ pháp lý: tại Điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Công an cấp tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh.

* Xử lý hình sự: Người chưa bị xác định mắc bệnh Covid-19 nhưng sống trong khu vực đã có quyết định cách ly, quyết định phong tỏa nhưng trốn khỏi khu vực bị cách ly, khu vực bị phong tỏa; không tuân thủ quy định cách ly; từ chối, trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly, cưỡng chế cách ly; không khai báo y tế, khai báo không đầy đủ hoặc khai báo gian dối gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên do phát sinh chi phí phòng, chống dịch bệnh thì bị xử lý về tội vi phạm quy định về an toàn ở nơi đông người có thể

bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 295 Bộ luật Hình sự (điểm 1.2 mục 1 mục Công văn 45/TANDTC-PC ngày 30-3-2020 của Hội đồng thẩm phán TAND TC) khi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm trong phòng, chống dịch bệnh.

8. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền bệnh dịch tại vùng có dịch

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Căn cứ pháp lý: tại Điểm a Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Giám đốc Công an tỉnh.

9. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Căn cứ pháp lý: tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Giám đốc Công an tỉnh.

* Xử lý hình sự: Trường hợp chủ cơ sở kinh doanh, người quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ (như: quán bar, karaoke, dịch vụ mát xa, cơ sở thẩm mỹ, phòng tập gym/yoga/game, rạp chiếu phim...) thực hiện hoạt động kinh doanh khi đã có quyết định tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh để phòng chống dịch Covid-19, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên do phát sinh chi phí phòng, chống dịch bệnh có thể bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 295 Bộ luật Hình sự (điểm 1.3 mục 1 mục Công văn 45/TANDTC-PC ngày 30-3-2020 của Hội đồng thẩm phán TAND TC) khi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm trong phòng, chống dịch bệnh.

10. Hành vi không thực hiện quyết định cấm tập trung đông người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Căn cứ pháp lý: tại Điểm b Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND tỉnh.

11. Hành vi không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại địa điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật hoặc Niêm yết giá không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Mức phạt trên áp dụng đối với cá nhân (đối với tổ chức vi phạm bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân).

- Căn cứ pháp lý: Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh thanh tra Sở Tài chính.

12. Hành vi bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân định giá

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000

đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức) và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc trả lại cho khách hàng số tiền đã thu cao hơn giá niêm yết, trường hợp không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp vào ngân sách nhà nước”.

- Căn cứ pháp lý: Khoản 3, khoản 7 Điều 12 Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Tài chính.

13. Hành vi lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác, lợi dụng chính sách của Nhà nước để định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Đồng thời hành vi này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi do định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý.

- Căn cứ pháp lý: Điều 17 Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Tài chính.

* Xử lý hình sự: Người có hành vi lợi dụng sự khan hiếm hoặc tạo sự khan hiếm giả tạo trong tình hình dịch bệnh Covid-19 để mua vét hàng hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố là mặt hàng bình ổn giá hoặc hàng hóa được Nhà nước định giá nhằm bán lại để thu lợi bất chính thì bị xử lý về tội đầu cơ theo Điều 196 Bộ luật Hình sự (điểm 1.8 mục 1 mục Công văn 45/TANDTC-PC ngày 30-3-2020 của Hội đồng thẩm phán TAND TC) khi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm trong phòng, chống dịch bệnh.

14. Hành vi giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người nước ngoài vào Việt Nam, ở lại Việt Nam hoặc qua lại biên giới quốc gia trái phép:

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức). Người nước ngoài có hành vi VPHC, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể còn bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ pháp lý: tại Điểm a Khoản 5 và Khoản 9 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND tỉnh; Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phạt tiền và quyết định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất - nếu có).

* Xử lý hình sự: Hành vi liên quan đến quy định về xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép có thể bị xử lý theo Điều 347 và 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

15. Hành vi cản trở, chống lại việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ hoặc đưa hối lộ người thi hành công vụ

a) Cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ:

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Căn cứ pháp lý: điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp xã (đối với cá nhân vi phạm); Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND tỉnh; Trưởng công an cấp huyện, Trưởng phòng thuộc công an tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chánh thanh tra các Sở có liên quan; Đội trưởng Đội Quản lý thị trường đang thi hành công vụ; Cục trưởng Cục Quản lý thị trường.

b) Hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống người thi hành công vụ; Gây thiệt hại về tài sản,

phương tiện của cơ quan nhà nước, của người thi hành công vụ:

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Căn cứ pháp lý: điểm a, b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Trưởng công an cấp huyện, Trưởng phòng thuộc công an tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chánh thanh tra các Sở có liên quan; Đội trưởng Đội Quản lý thị trường đang thi hành công vụ; Cục trưởng Cục Quản lý thị trường.

* Xử lý hình sự: Người có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thì bị xử lý về tội chống người thi hành công vụ theo Điều 330 Bộ luật Hình sự (điểm 1.9 mục 1 mục Công văn 45/TANDTC-PC ngày 30-3-2020 của Hội đồng thẩm phán TAND TC) khi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm trong phòng, chống dịch bệnh.

16. Hành vi từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

- Căn cứ pháp lý: Điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Y tế.

17. Hành vi không báo cáo với Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan y tế dự phòng trên địa bàn về trường hợp mắc bệnh dịch theo quy định của pháp luật

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân và từ 2.000.000 đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức.

- Căn cứ pháp lý: Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Trưởng công an cấp huyện, Trưởng phòng thuộc công an tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh.

18. Hành vi không thực hiện biện pháp bảo đảm vệ sinh nơi sản xuất, kinh doanh, xử lý chất thải công nghiệp và biện pháp vệ sinh khác theo quy định của pháp luật làm phát sinh, lây lan bệnh truyền nhiễm

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân và từ 20.000.000 đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức. Đồng thời, hành vi này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả Buộc thực hiện biện pháp vệ sinh, khử trùng, tẩy uế theo quy định.

- Căn cứ pháp lý: Khoản 4, 5 Điều 6 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND tỉnh.

19. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng loại thực phẩm là trung gian truyền bệnh

- Hình thức xử phạt/Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân và từ 20.000.000 đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức.

- Căn cứ pháp lý: Điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND tỉnh.

II. MỘT SỐ LƯU Ý TRONG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính (VPHC) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong đó cần lưu ý một số nội dung:

1. Lập Biên bản VPHC:

1.1. Về thẩm quyền lập biên bản VPHC:

a) Người có thẩm quyền lập biên bản VPHC theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017), bao gồm:

- Người có thẩm quyền xử phạt;
- Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giao.

* **Lưu ý**: Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản VPHC được quy định cụ thể tại các Nghị định xử phạt VPHC trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

b) Việc xử phạt VPHC không lập biên bản (theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý VPHC): được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt VPHC tại chỗ.

Quyết định xử phạt VPHC tại chỗ được thực hiện theo mẫu biểu MQĐ01 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP đối với Chủ tịch UBND các cấp (trường hợp Thông tư của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền xử phạt VPHC có quy định thì sử dụng mẫu biểu riêng).

1.2. Khi lập biên bản VPHC cần thực hiện theo các nội dung sau:

a) Về thủ tục, nội dung lập biên bản VPHC:

- Biên bản VPHC phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn VPHC và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ (nếu có); lời khai của người vi phạm hoặc gia đình của người vi phạm; nếu có người chứng kiến thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về VPHC của người vi phạm hoặc đại diện gia đình của người vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình (nếu có).

Trường hợp người vi phạm, đại diện gia đình người vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến;

- Một hành vi VPHC chỉ bị lập biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC trong cùng một vụ vi phạm, thì biên bản VPHC phải ghi rõ từng hành vi vi phạm;

Trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt, vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm đó, thì người có thẩm quyền xử phạt phải áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC phù hợp để chấm dứt hành vi vi phạm. Khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền xử phạt có thể áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý VPHC hoặc xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt và xử phạt đối với hành vi vi phạm đã lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt.

Trường hợp hành vi vi phạm đã bị ra quyết định xử phạt nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm chưa thi hành hoặc đang thi hành quyết định mà sau đó vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm đó, thì hành vi vi phạm này được coi là hành vi vi phạm mới;

- Biên bản VPHC phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, hoặc đại diện gia đình thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định (tham gia việc lập biên bản) phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện gia đình người vi phạm, người chứng kiến từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý

do vào biên bản;

- Biên bản VPHC lập xong phải giao cho cá nhân, đại diện gia đình người vi phạm 01 bản; trường hợp VPHC không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Trường hợp người chưa thành niên VPHC (chưa đủ 18 tuổi) thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người vi phạm;

b) Mẫu biểu: Sử dụng đúng mẫu biểu MBB01 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp Thông tư của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền lập biên bản VPHC có quy định mẫu biểu riêng).

2. Xác minh tình tiết phức tạp của vụ việc VPHC:

- Hoạt động này thể hiện trước hoặc sau khi lập Biên bản VPHC và có thể được thực hiện cùng với các trình tự, thủ tục xử phạt tiếp theo cho đến khi ra quyết định xử phạt.

- Đối với những trường hợp có tình tiết phức tạp, trước khi ra quyết định xử phạt người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh có hay không hành vi VPHC xảy ra trên thực tế, lỗi, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ...

- Quá trình xác minh phải thể hiện bằng văn bản để đảm bảo tính khách quan, chính xác các tình tiết phức tạp của vụ việc vi phạm.

3. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng

chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (nếu có): thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật Xử lý VPHC.

4. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt VPHC:

- Trong quá trình xem xét vụ việc, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm đánh giá đúng mức độ, tính chất của vụ việc vi phạm; nếu trường hợp vi phạm có dấu hiệu hình sự thì phải chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền hoặc ngược lại.

- Trình tự, thủ tục, thời hạn xem xét, chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm giữa các cơ quan có thẩm quyền xử phạt và cơ quan tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 62, Điều 63 của Luật Xử lý VPHC.

* **Lưu ý:** Chấp hành đúng các quy định về thời hiệu xử lý VPHC, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng vi phạm, tránh bỏ lọt tội phạm. Thời hạn ban hành quyết định xử phạt trong trường hợp này là 30 ngày hoặc tối đa 45 ngày.

5. Ra quyết định xử phạt VPHC:

a) Thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày kể từ ngày lập biên bản VPHC. Trường hợp phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 ngày, trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 60 ngày (nhưng phải có văn bản gia

hạn theo Khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý VPHC).

b) Trường hợp ban hành 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt trong vụ việc có nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi VPHC và trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì quyết định phải thể hiện rõ hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân.

c) Xác định mức tiền phạt trong các trường hợp cụ thể:

- Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi VPHC không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng trung bình giữa mức tối đa của khung tiền phạt và mức tối thiểu của khung tiền phạt.

- Đối với hành vi VPHC có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 9 Luật Xử lý VPHC thì mức tiền phạt có thể được giảm xuống thấp hơn so với mức trung bình của khung hình phạt nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung hình phạt đó; nếu có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 10 Luật Xử lý VPHC thì mức tiền phạt có thể tăng trên mức trung bình của khung hình phạt nhưng không được cao hơn mức tối đa của khung hình phạt đó.

- Đối với hành vi VPHC vừa có tình tiết giảm nhẹ, vừa có tình tiết tăng nặng thì xem xét theo nguyên tắc giảm trừ, cứ một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng

nặng. Sau khi giảm trừ, nếu không còn tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì xác định mức tiền phạt theo quy định tại điểm 1 của nội dung này; trường hợp còn tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng thì xác định mức tiền phạt theo quy định tại điểm 2 của nội dung này.

d) Thời hạn thi hành quyết định xử phạt là 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, trừ trường hợp thời gian nhiều hơn được ghi trong quyết định.

đ) Một số nội dung lưu ý khi ban hành quyết định xử phạt VPHC:

- Sử dụng đúng mẫu biểu MQĐ02 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp Thông tư của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt có quy định thì sử dụng mẫu biểu riêng).

- Trường hợp cấp phó ký quyết định thì phải ghi rõ văn bản ủy quyền.

- Ngày có hiệu lực của quyết định: Có thể từ ngày ký hoặc ghi ngày cụ thể trong quyết định.

- Các biện pháp khắc phục hậu quả: Phải ghi đúng biện pháp khắc phục theo quy định của Luật Xử lý VPHC và các văn bản liên quan.

- Trường hợp phạt tiền thì phải ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc phải nộp hoặc tên Ngân hàng được Kho bạc nhà nước ủy quyền thu để người vi phạm thực hiện.

- Việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành

mới quyết định xử phạt VPHC được thực hiện theo Khoản 8, 9, 10, 11 và 12, Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

6. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức VPHC: Được thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Xử lý VPHC, Điều 8 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC.

7. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC:

- Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt VPHC không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định thì sẽ bị cưỡng chế.

- Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC được thực hiện theo Điều 85, 86, 87, 88 Luật Xử lý VPHC và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC.

8. Lưu trữ hồ sơ xử phạt VPHC: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Luật Xử lý VPHC và hướng dẫn của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt theo quy định./.

Phần 3:

**MỘT SỐ VĂN BẢN QPPL LIÊN QUAN
ĐẾN PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19**

STT	VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH
1.	Hiến pháp 2013	28/11/2013
2.	Bộ luật Dân sự năm 2015	24/11/2015
3.	Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)	27/11/2015
4.	Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012	20/6/2012
5.	Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015	25/6/2015
6.	Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp năm 2000	23/3/2000
7.	Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007	21/11/2007
8.	Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản 2008	03/6/2008
9.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)	19/6/2015
10.	Luật Doanh nghiệp năm 2020	17/6/2020
11.	Nghị định số 71/2002/NĐ-CP của	23/7/2002

Một số quy định pháp luật trong phòng, chống dịch bệnh

STT	VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH
	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm	
12.	Nghị định số 64/2008/NĐ-CP của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn; sự cố nghiêm trọng; các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo	14/5/2008
13.	Nghị định 101/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch	30/9/2010
14.	Nghị định số 89/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới	25/6/2018

STT	VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH
15.	Nghị định số 103/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm	01/7/2016
16.	Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	25/9/2020
17.	Nghị định số 117/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế	28/9/2020
18.	Nghị định số 15/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử	03/02/2020
19.	Nghị định số 49/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn	27/5/2016

STT	VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH
20.	Nghị định số 109/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí	24/9/2013
21.	Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình	12/11/2013
22.	Nghị định số 98/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	26/8/2020
23.	Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	27/11/2020
24.	Quyết định 73/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch	28/12/2011

STT	VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH
25.	Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm	28/01/2016
26.	Quyết định số 07/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm	26/02/2020
27.	Thông tư số 17/2019/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn giám sát và đáp ứng với bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm	17/7/2019
28.	Thông tư 28/2019/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc thông tin, báo cáo hoạt động kiểm dịch y tế biên giới	28/10/2019
29.	Thông tư 32/2012/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ, quản lý và sử dụng kinh phí đối với người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế	29/12/2012

STT	VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH
30.	Thông tư liên tịch 10/2014/TTLT-BYT-BNV-BTC-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định 73/2011/QĐ-TTg quy định chế độ phụ cấp đặc thù đối với công, viên chức, người lao động trong cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch	26/02/2014
31.	Thông tư số 54/2015/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm	28/12/2015
32.	Thông tư 240/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	11/11/2016
33.	Thông tư 51/2016/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá cụ thể đối với dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	30/12/2016

STT	VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH
34.	Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	19/10/2020
35.	Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	24/4/2020
36.	Quyết định 32/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	19/10/2020
37.	Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định về việc hỗ trợ kinh phí mua và tổ chức tiêm vắc xin phòng Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	29/3/2021

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐỖ THỊ VIỆT HÀ

Giám đốc Sở Tư pháp

Chịu trách nhiệm nội dung:

TRƯƠNG NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc Sở Tư pháp

Biên soạn:

LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THÚY

Phó Trưởng phòng Văn bản và
Quản lý xử lý vi phạm hành chính

In 1.500 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm
Tại Công ty TNHH Tính toán, In và Thương mại Bắc Giang
Số 22, đường Ngô Văn Cảnh, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang
Giấy phép xuất bản số: 28/GP-STTTT ngày 03/6/2021
Do Sở TT&TT tỉnh Bắc Giang cấp
In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.